

Bản án số:50/2020/HS-ST

Ngày: 21-7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn N1**; Tên gọi khác: Không

Giới tính: N1 ; Sinh năm 1991;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn HD, xã DL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt N1; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Tự do ; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12.

Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1970;

Con bà: Đào Thị H1, sinh năm 1971;

Vợ, con: Chưa có;

Anh chị em ruột: Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án: Ngày 31/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” .

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hiệp Hòa – có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Đặng Thị N2, sinh năm 1983 – vắng mặt

Địa chỉ: thôn K, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Ngô Thị N3, sinh năm 1989 – vắng mặt

Nơi cư trú: thôn C, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Phạm Văn H3, sinh năm 1994 – vắng mặt

Địa chỉ: thôn HĐ, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 30/4/2020, Phạm Văn N1, sinh năm 1991 trú tại thôn HĐ, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xanh, biển kiểm soát 98D1-726.83 đi từ nhà đến Trung tâm Y tế huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để uống thuốc Methadol. Chiếc xe trên N1 mượn của em trai là Phạm Văn H3, sinh năm 1994. Sau khi uống thuốc xong, N1 điều khiển xe mô tô theo đường Quốc lộ 37 để về nhà. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, N1 dừng xe lại, dùng cà lê có sẵn trong cốp xe, tháo biển số xe ra và cất vào trong cốp xe rồi tiếp tục điều khiển xe đến đoạn đường gần cổng làng thôn C, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Quan sát thấy chị Đặng Thị N2, sinh năm 1983 trú tại thôn K, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu vàng, biển kiểm soát 98D1-680.37 đi cùng chiều phía trước, cách khoảng 10 mét. Đúng lúc này, N1 nhìn thấy chị N2 để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J8 vào hộc xe phía trước bên trái nên đã nảy sinh ý định cướp giật chiếc điện thoại trên. N1 tăng ga xe mô tô, vượt lên song song và áp sát phía bên trái xe của chị N2. Lúc này, hai xe vẫn đang di chuyển, khoảng cách giữa hai xe khoảng 0,5 mét. N1 dùng tay phải nhanh chóng giật lấy chiếc điện thoại của chị N2, rồi chuyển chiếc điện thoại sang tay trái, dứt vào túi quần đằng sau và tăng ga bỏ chạy về hướng thị trấn T, sau đó đi thẳng về xã ĐL, huyện Hiệp Hòa. N1 điều khiển xe về đến khu dân cư mới thuộc thôn HĐ, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa thì dừng xe, lấy chiếc điện thoại vừa cướp giật được của chị N2 ra tắt nguồn, tháo sim và ốp điện thoại. N1 vứt ốp, sim điện thoại và chiếc khẩu trang đang đeo ở bên đường rồi mang chiếc điện thoại về nhà cất giấu. Đến khoảng 07 giờ ngày 01/5/2020, N1 mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng “NT Mobile” ở thôn K, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang do chị Ngô Thị N3, sinh năm 1989 trú tại thôn C, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang làm chủ bán cho chị N3 được 1.500.000 đồng. Số tiền trên N1 đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 02/5/2020, chị Đặng Thị N2 làm đơn trình báo Công an huyện Hiệp Hòa. Ngày 03/5/2020, chị Ngô Thị N3 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa 01 chiếc điện thoại

di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J8 màu vàng, số IMEI 1: 359051090735754, số IMEI 2: 359052090735752 và trình bày đây là chiếc điện thoại Phạm Văn N1 đã bán cho chị ngày 01/5/2020. Cùng ngày, Phạm Văn N1 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản của chị Đặng Thị N2 ngày 30/4/2020.

Khi ra đầu thú, Phạm Văn N1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xanh, biển kiểm soát 98D1-726.83, số khung: 1257FY272810, số máy: HC12B7272849; 01 áo khoác phao màu trắng sữa, phần dưới áo màu đỏ; 01 quần bò dài màu đen; 01 đôi dép nhựa màu đen; 01 mũ bảo hiểm lưỡi chai màu xanh, có chữ “Adidas” ở phần trên mũ; 01 chiếc cà lê bằng kim loại. N1 khai đây là quần, áo, dép, mũ bảo hiểm N1 mặc, xe mô tô N1 điều khiển và chiếc cà lê N1 dùng để tháo biển số xe mô tô trước khi cướp giật tài sản ngày 30/4/2020 (BL 108).

Ngày 04/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Yêu cầu định giá tài sản số 21/YC định giá chiếc điện thoại di động của chị N2 mà N1 đã cướp giật. Kết luận định giá số 17/KL-HĐĐG ngày 08/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa định giá: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J8 màu vàng, trị giá 1.600.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu ghi trị giá 10.000 đồng. Tổng trị giá tài sản cướp giật được là 1.610.000 đồng.

Đối với anh Phạm Văn H3: Khi cho N1 mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xanh, biển kiểm soát 98D1-726.83, N1 nói mượn xe để đi uống thuốc Methadol ở Trung tâm Y tế huyện Việt Yên, anh H3 không biết N1 dùng chiếc xe trên để cướp giật tài sản nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Đối với chị Ngô Thị N3: Khi mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy J8 màu vàng của N1, chị N3 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xanh, biển kiểm soát 98D1-726.83, số khung: 1257FY272810, số máy: HC12B7272849; 01 chiếc cà lê bằng kim loại; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J8 màu vàng, số IMEI 1: 359051090735754, số IMEI 2: 359052090735752. Ngày 01/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở là anh Phạm Văn H3 chiếc xe mô tô và chiếc cà lê; trả lại cho chị Đặng Thị N2 chiếc điện thoại di động. Ngoài ra, vật chứng là 01 áo khoác phao màu trắng sữa, phần dưới áo màu đỏ; 01 quần bò dài màu đen; 01 đôi dép nhựa màu đen; 01 mũ bảo hiểm lưỡi chai màu xanh có chữ “Adidas” ở phần trên mũ; hiện đang tạm giữ chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đặng Thị N2 là người bị hại không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị N3 yêu cầu N1 bồi thường số tiền 1.600.000 đồng.

Từ hành vi cướp giật nêu trên của bị cáo Phạm Văn N1, tại bản cáo trạng số 52/CT-VKS- HH ngày 25/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Phạm Văn N1 ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội “Cướp giật tài sản ” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, bị cáo đồng ý bồi thường cho chị N3 số tiền là 1.600.000 đồng. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả lại bị cáo các tài sản đã tịch thu của bị cáo. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về đoàn tụ với gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N1 phạm tội phạm tội “*Cướp giật tài sản*”

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N1 từ 42 đến 48 tháng tù về tội Cướp giật tài sản.

Tổng hợp hình phạt với bản án số 88/2019/HS – ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, buộc bị cáo phải chấp hành từ 49 đến 55 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03/5/2020 nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam bị cáo theo bản án số 88/2019/HS – ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị N3 số tiền 1,6 triệu đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật tố tụng hình sự :

Trả lại bị cáo các tài sản đã thu giữ của bị cáo.

- Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Phạm Văn N1 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về sự vắng mặt của Bị hại chị Đặng Thị N2, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị N3, anh Phạm Văn H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên đã có đầy đủ lời khai của họ trong hồ sơ. Việc xét xử vắng mặt chị N2, chị N3, anh H3 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N2, chị N3, anh H3 theo khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ xác định được: Khoảng 08 giờ ngày 30/4/2020, tại khu vực đường Quốc lộ 37 thuộc địa phận thôn C, xã LP bị cáo Phạm Văn N1 một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xanh, biển kiểm soát 98D1-726.83 (đã được bị cáo tháo biển kiểm soát từ trước) hướng đi từ Việt Yên về thị trấn T đã cướp giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J8 ở hộc xe phía trước bên trái trên chiếc xe của chị Đặng Thị N2 đang di chuyển cùng chiều rồi nhanh chóng tẩu thoát. Bị cáo cướp giật tài sản với mục đích là để tiêu xài cá nhân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo dùng xe máy để phạm tội có thể gây nguy hiểm cho bị hại và những người đi đường khác. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Văn N1 phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách do vậy Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo đã tự ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo là tảo bạo liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác ngay trên đường. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục riêng và góp phần răn đe phòng ngừa chung.

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, tài sản do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với chị Ngô Thị N3 khi mua điện thoại của bị cáo không biết đây là tài sản do phạm tội mà có của bị cáo, anh Phạm Văn H3 cho bị cáo mượn xe để đi uống thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng chất thay thế. Trên đường về bị cáo mới nảy sinh ý định cướp giật. Do vậy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với anh H3 và chị N3.

[9] *Về trách nhiệm dân sự:* Chị Ngô Thị N3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 1.600.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho chị N3 số tiền này. Do vậy, hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N3 và ý kiến của bị cáo.

[10] *Về vật chứng:* Đối với số vật chứng đang thu giữ bị cáo không dùng vào việc phạm tội, tại phiên tòa bị cáo đề nghị được nhận lại các tài sản này, đây là các đồ dùng cá nhân không có giá trị nên cần chấp nhận trả lại cho bị cáo mà không tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[12] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N1 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Khoản 5 Điều 65; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Văn Nam 4 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt 7 (bảy tháng tù) nhưng cho hưởng án treo nay chuyển thành hình phạt tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS - ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang: Buộc bị cáo Phạm Văn Nam phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 4 (bốn) năm 7 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/5/2020, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 10/8/2019 đến ngày 06/9/2019 của bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS - ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự:

Buộc bị cáo Phạm Văn N1 phải bồi thường cho chị Ngô Thị N3 số tiền là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

- **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo N1 các tài sản gồm:
- 01 áo khoác phao màu trắng sữa, phần dưới áo màu đỏ
- 01 quần bò dài màu đen
- 01 đôi dép nhựa màu đen
- 01 mũ bảo hiểm loại lưỡi chai màu xanh, có chữ “Adidas” ở phần trên mũ.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Phạm Văn N1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331; Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo Phạm Văn N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan CSĐT – CA huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Lưu HSVA – VPTA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Chức